

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH ANGIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 5 – 2019

“V/v ly hôn giữa
chị M và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Lý Thị Rỡ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc M – Sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 404, tổ 15, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Long H – Sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 404, tổ 15, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Khu phố An Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn N – Sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt);

3.2. Bà Trần Thị B – Sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 404, tổ 15, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc M trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2003 chị và anh Võ Long H tìm hiểu về tình cảm, năm 2008 hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 25-7-2008. Vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2016 vợ chồng đến tỉnh Bình Dương làm công nhân, thuê nhà trọ ở, còn con gởi cha mẹ chồng chăm sóc dùm (cha mẹ cHng tên Võ Văn N, Trần Thị B). Tháng 5-2018 phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh chị, nhiều lần đuổi chị đi rồi nan nỉ chị trở về. Tháng 11-2018 anh H đánh và đuổi chị đi, chị bỏ đi từ tháng 11-2018 đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Long H. Ngày 24-5-2019 chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại các văn bản ngày 9-5-2019, 16-5-2019 bị đơn anh Võ Long H trình bày như trình bày trên của chị M về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Phú T, chị M yêu cầu ly hôn, anh đồng ý và anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ cHng có 01 con chung tên Võ Thành H2, sinh ngày 06-11-2008, vợ chồng gửi cha mẹ chồng chăm sóc. Anh H yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng, cháu H2 đang gửi cha mẹ ruột là ông N, bà B, anh tiếp tục gửi cháu H2 cho cha mẹ chăm sóc, không yêu cầu cha mẹ giao lại cháu H2 và hàng tháng anh sẽ gửi tiền về cho cha mẹ nuôi cháu H2, thu nhập của anh hiện nay là 10.000.000đ/tháng (anh H có gửi kèm theo bảng thu nhập có dấu treo của Công ty TNHH kỹ nghệ gỗ Hoa Nét nơi anh đang công tác). Chị M đồng ý giao cháu H2 cho anh H nuôi, không có yêu cầu ông N, bà B giao cháu H2 cho anh H.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Tại văn bản ngày 16-5-2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, bà Trần Thị B trình bày, ông bà là cha mẹ ruột của anh H. Năm 2016 vợ chồng H đi tỉnh Bình Dương làm công nhân gửi cháu H2 cho ông bà chăm sóc, năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, M về nói cho ông bà B H ăn nhậu, đánh M, từ tháng 11/2018 đến nay vợ chồng ly thân, anh H về vẫn ở nhà ông bà, còn M những ngày nghỉ đều có đến thăm con. Nay M yêu cầu ly hôn với H tùy hai đứa quyết định, còn cháu H2 Tòa án quyết định giao con cho nào ông bà sẽ giao cháu H2 cho bên đó, ông bà không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Long H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M, anh H và ông Nghiêu, bà B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M, anh H và ông Nghiêu, bà B.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị M và anh H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay, chị M cho rằng anh H thường xuyên uống rượu, đánh chị, anh H không nêu lý do mâu thuẫn. Chị M yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, cho ly hôn giữa chị M và anh H.

[4] Về nuôi con chung: Anh H yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H2 và không yêu cầu chị M cấp dưỡng, chị M đồng ý giao con cho anh H nuôi. Ông Nghiêu, bà B đang chăm sóc cháu H2 đồng ý giao cháu H2 theo quyết định của Tòa án, anh H không yêu cầu cha mẹ giao lại cháu H2 vẫn tiếp tục gửi cha mẹ chăm sóc, hàng tháng anh sẽ gửi tiền cho cha mẹ nuôi con, cháu H2 đang ở với ông bà nội ổn định và có nguyện vọng tiếp tục ở với ông bà, thu nhập của anh H cũng đủ điều kiện nuôi cháu H2. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh H được trực tiếp nuôi cháu H2, không buộc ông Nghiêu, bà B giao cháu H2 cho anh H.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình chị M được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Không có, nên Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nH2 sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Ngọc M và anh Võ Long H. Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 25-7-2008 của Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 01 con chung tên Võ Thành H2, sinh ngày 06-11-2008 cho anh Võ Long H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay ông Võ Văn Nghiêu, bà Trần Thị B đang chăm sóc. Chị Phan Thị Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị Phan Thị Ngọc M không trực tiếp nuôi con, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nH2 sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Ngọc M phải chịu 150.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005717 ngày 06-5-2019, còn lại 150.000đ hoàn trả cho chị M tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- UBND xã Phú A;
- Lưu H sơ vụ án.

H Thị Kim Phương

